



Phụ lục 1.3
ÁP DỤNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2024 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 4/7/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Số DA	Năm KC-HT	Thủ tục đầu tư		Lũy kế thanh toán từ đầu DA đến hết KHV năm 2020	KHV 2021-2025 hỗ trợ đã được duyệt	Lũy kế bố trí, giải ngân NSTP hỗ trợ 2021-2023			KHV năm 2024	CTHT 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT			Kế hoạch vốn NSTP		Giải ngân						
								Tổng	Trong đó KHV 2023 kéo dài							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	1			189.000		129.200	60.200		60.200	25.000	1	44.000	69.000		
1	Trục kết nối giao thông Văn Hoàng - Tân Dân - đường Thao Chính Tân Dân	1	2023-2025	1182/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 5524/QĐ-UBND ngày 19/1/2022	189.000		129.200	60.200		60.200	25.000	1	44.000	69.000	UBND huyện Phú Xuyên	

PHỤ LỤC 1.4
CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN
NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư			KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ đã được duyệt	Lũy kế bố trí, giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2024 (hết KHV 2023)		KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ đã giao đến thời điểm báo cáo		Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	CTHT		Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày tháng	TMDT	Trong đó CP XL+TB		Kế hoạch vốn	Giải ngân	Kế hoạch vốn	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			2024	2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25
	TỔNG (A+B+C)		2	10			353.785	300.931	306.220	284.700	269.200	49.250	2.349	4.000	(8.830)	41.770	(650)	301.390	90.370	3	6		
	- Vốn nước ngoài (ODA)																						
	- Vốn nước ngoài (ODA vay lại)																						
	- Vốn NSTW trong nước																						
	- Vốn NSTP trong nước																						
	Dự án chuyển tiếp																						
	Dự án khởi công mới		2	10			353.785	300.931	306.220	284.700	269.200	4.500	2.349	4.000	-8.830	86.520	-650	301.390	90.370	3	6		
	Dự nguồn vốn 2024 chưa phân bổ chi tiết											44.750				-44.750							
I	HUYỆN BA VÌ		2	7			275.030	233.176	237.300					4.000	-8.180	82.100		233.120	82.100		6		
a	Dự án chuyển tiếp																						
b	Dự án khởi công mới		2	7			275.030	233.176	237.300					4.000	-8.180	82.100		233.120	82.100		6		
1	Xử lý sạt lở mái ta luy tuyến đường trục tương xã Khánh Thương đoạn qua dốc Trác tương			1	2024-2026	20/NQ-HĐND, ngày 17/10/2022, 2478/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	33.000	28.788	31.900						-3.100	10.000		28.800	10.000			UBND huyện Ba Vì	Chi hỗ trợ XL+TB
2	Cải tạo, nâng cấp kênh mương vai kết hợp giao thông xã Văn Hoà			1	2023-2025	06/NQ-HĐND ngày 28/4/2022, 626/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	30.000	24.597	22.600					2.000		10.000		24.600	10.000		1	UBND huyện Ba Vì	Hỗ trợ XL+TB
3	Trồng mâm non Tân Linh B			1	2022-2024	01/NQ-HĐND ngày 24/01/2022, 1367/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	12.000	10.426	10.500						-80	3.600		10.420	3.600		1	UBND huyện Ba Vì	Chi hỗ trợ XL+TB
4	Cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng xã Minh Quang			1	2023-2025	5075/QĐ-UBND 28/8/2023	45.500	39.379	39.300							15.000		39.300	15.000		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo nâng cấp Đập đồ và hệ thống kênh tưới, tiêu xã Ba Trại			1	2024-2026	02/NQ-HĐND ngày 29/1/2024, 2350/QĐ-UBND 20/5/2024	20.165	17.509	16.300					1.200		6.050		17.500	6.050			UBND huyện Ba Vì	Hỗ trợ XL+TB
6	Cải tạo Trường Tiểu học Ba Trại A			1	2024-2026	02/NQ-HĐND ngày 29/1/2024, 2423/QĐ-UBND 22/5/2023	28.365	24.123	26.000						-1.900	10.000		24.100	10.000			UBND huyện Ba Vì	Chi hỗ trợ XL+TB

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư			KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ đã được duyệt	Lũy kế bố trí, giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2024 (hết KHV 2023)		KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ đã giao đến thời điểm báo cáo		Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	CTHT		Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày tháng	TMBT	Trong đó CP XL+TB		Kế hoạch vốn	Giải ngân	Kế hoạch vốn	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			2024	2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25
7	Xây dựng mới trụ sở Đảng ủy, HĐND&UBND xã Khánh Thượng			1	2024-2026	02/NQ-HĐND ngày 29/1/2024, 2398/QĐ-UBND 22/5/2024	50.000	40.157	42.000						-1.800	8.000		40.200	8.000		1	UBND huyện Ba Vì	Chi hỗ trợ XL+TB
8	Cải tạo nhà làm việc kết hợp Hội trường UBND xã Ba Vì				2024-2026	02/NQ-HĐND ngày 29/1/2024, 2399/QĐ-UBND 22/5/2023	24.500	20.605	21.900						-1.300	10.000		20.600	10.000		1	UBND huyện Ba Vì	Chi hỗ trợ XL+TB
9	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Ba Vì				2024-2025	02/NQ-HĐND ngày 29/1/2024, QĐ số 699/QĐ-UBND ngày 29/2/2024	31.500	27.592	26.800					800		9.450		27.600	9.450		1	UBND huyện Ba Vì	Hỗ trợ XL+TB
II	HUYỆN THẠCH THẮT				1		4.545	3.845	4.500	125.200	116.246	4.500	2.349		-650		-650	3.850	3.850	1			
a	Dự án chuyển tiếp																						
b	Dự án khởi công mới			1			4.545	3.845	4.500	125.200	116.246	4.500	2.349		-650		-650	3.850	3.850	1			
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lụa-Vao xã Yên Bình				2023-2024	3954/QĐ-UBND 10/7/2023, 8354/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	4.545	3.845	4.500			4.500	2.349		-650		-650	3.850	3.850	1		UBND huyện Thạch Thắt	chi hỗ trợ XL+TB
III	HUYỆN MỸ ĐỨC				2		74.210	63.910	64.420	159.500	152.954					4.420		64.420	4.420	2			
a	Dự án chuyển tiếp																						
b	Dự án khởi công mới			2			74.210	63.910	64.420	159.500	152.954					4.420		64.420	4.420	2			
1	Xây dựng nâng cấp đường giao thông xã An Phú và 03 cầu: Phú Thanh, Thoảng, Đồng Gạch xã An Phú				2024	3770/QĐ-UBND 22/10/2020, 1847/QĐ-UBND 02/8/2021, 6330/QĐ-UBND 30/12/2022, 3972/QĐ-UBND 23/11/2023	39.175	33.359	33.525	30.000	29.999					3.525		33.525	3.525	1		UBND huyện Mỹ Đức	Chi hỗ trợ XL+TB
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã An Phú đoạn Núi Dải, xã An Phú				2024	726/QĐ-UBND 09/5/2014, 1335/QĐ-UBND 16/6/2021, 6329/QĐ-UBND 30/12/2022, 3974/QĐ-UBND 23/11/2023	35.035	30.551	30.895	30.000	26.816					895		30.895	895	1		UBND huyện Mỹ Đức	Chi hỗ trợ XL+TB



Phụ lục 1.5

CẤP NHẬT: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HDND ngày 04/7/2024 của HDND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án			Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lũy kế hỗ trợ, giải ngân NSTP hỗ trợ từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ đã giao		Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Trong đó XLTB		Tổng số	Giải ngân	KHV	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26
	TỔNG	-	12	13	-	-	1.840.867	1.493.919	924.524	51.000	48.927	162.456	24.213	26.225	(35.202)	291.756	(12.524)	915.547	441.688	3		
	Dự án chuyển tiếp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án khởi công mới	-	12	13	-	-	1.840.867	1.493.919	924.524	51.000	48.927	162.456	24.213	26.225	(35.202)	291.756	(12.524)	915.547	441.688	3		
	Chi tiết dự án theo lĩnh vực																					
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	-	12	13	-	-	1.840.867	1.493.919	924.524	51.000	48.927	162.456	24.213	26.225	(35.202)	291.756	(12.524)	915.547	441.688	3		
a	Dự án chuyển tiếp																					
b	Dự án khởi công mới	-	12	13	-	-	1.840.867	1.493.919	924.524	51.000	48.927	162.456	24.213	26.225	(35.202)	291.756	(12.524)	915.547	441.688	3		
b.1	Dự án hoàn thành giai đoạn 2021-2025	-	3	10			531.231	434.523	304.089	40.000	40.000	107.440	24.213	25.579	-31.643	74.110	-12.524	298.025	169.026	3		
1	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức			1	2024-2025	18/NQ-HĐND 31/10/2022; 12754/QĐ-UBND 16/10/2023	11.095	9.577	9.980			9.980			-646		-646	9.334	9.334		UBND huyện Hoài Đức	Hỗ trợ theo giá trị XL+TB được duyệt tại QĐ TK-DT
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Minh Phú			1	2023-2025	3179/QĐ-UBND 30/5/2023	23.643	20.002	20.000	10.000	10.000	6.990	6.010			3.010		20.000	10.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Trường THPT Thanh Oai A			1	2024-2025	11006/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	34.500	27.153	26.260			10.000	-			7.100		26.260	17.100		UBND huyện Thanh Oai	
7	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa			1	2023-2025	2624/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	146.068	118.022	90.000	30.000	30.000	22.200	10.187			10.000		90.000	32.200		UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lấy kế bố trí, giải ngân NSTP hỗ trợ từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ đã giao		Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Trong đó XLTB		Tổng số	Giải ngân	KHV	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26
8	Trường THPT Trần Đăng Ninh		1		2023-2025	2753/QĐ-UBND-26/5/2023	120.000	97.000	50.000			6.810				27.000		50.000	33.810		UBND huyện Ứng Hoà	
9	THPT Ứng Hoà B			1	2023-2025	2522-15/5/2023	53.520	43.699	46.079			9.410			-25.579		-8.910	20.500	500		UBND huyện Ứng Hoà	Điều hòa vốn bổ sung trung hạn dự án Trường THPT Đại Cường, huyện Ứng Hòa
10	Trường trung học phổ thông Đại Cường		1		2023-2025	4683/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	68.000	58.341	1.860			1.860		25.579		15.000		27.439	16.860		UBND huyện Ứng Hoà	Điều hòa từ dự án Trường THPT Ứng Hoà B
11	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông			1	2023-2025	Số 6342/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	4.030	3.375	5.080			4.030	1.184		-1.705		-655	3.375	3.375		UBND quận Hà Đông	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
12	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông			1	2023-2025	6344/QĐ-UBND 30/10/2023	14.528	11.897	13.070			13.070	3.640		-1.173		-1.173	11.897	11.897		UBND quận Hà Đông	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
13	THPT Quang Trung - Hà Đông			1	2023-2025	6343/QĐ-UBND 30/10/2023	11.049	9.607	10.090			10.090	3.192		-490		-490	9.600	9.600		UBND quận Hà Đông	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
14	THPT Xuân Đình			1	2023-2024	3717/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	6.753	5.493	6.700			6.000			-1.200		-500	5.500	5.500	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
15	THPT Thượng Cát			1	2023-2024	3718/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	8.110	6.840	7.700			7.000			-850		-150	6.850	6.850	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
16	Trường THPT Sơn Tây			1	2023-2025	11/NQ-HBND ngày 21/7/2023, 878/QĐ-UBND 11/6/2024	29.935	23.517	17.270							12.000		17.270	12.000		UBND thị xã Sơn Tây	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lấy kế bổ trí, giải ngân NSTP hỗ trợ từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ đã giao		Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Trong đó XLTB		Tổng số	Giải ngân	KHV	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26
b.2	Dự án triển khai trong giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang 2026-2030	-	9	3	-	-	1.309.636	1.059.397	620.435	11.000	8.927	55.016	-	646	(3.559)	217.646	-	617.522	272.662	-		
1	THPT Hoài Đức C		1		2024-2026	12/NQ-HĐND 27/6/2023; 12493/QĐ-UBND 10/10/2023	66.686	54.797	3.996			3.996		646		646		4.642	4.642		UBND huyện Hoài Đức	Điều hòa vốn từ Trường THPT Văn Xuân, huyện Hoài Đức
2	Trường THPT Tiên Phong		1		2024-2027	15/NQ-HĐND 27/10/2023; 1604/QĐ-UBND 26/4/2024	155.772	129.510	58.930							35.000		58.930	35.000		UBND huyện Mê Linh	
3	THPT Mỹ Đức B		1		2023-2026	1605/QĐ-UBND 16/6/2023; 3539/QĐ-UBND 30/10/2023; 2459/QĐ-UBND 28/5/2024	90.000	78.094	71.900			5.000				15.000		71.900	20.000		UBND huyện Mỹ Đức	
5	Trường THPT Phú Xuyên A		1		2024-2026	1806/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; 1810/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	63.488	53.229	53.742			7.100			-513	10.000		53.229	17.100		UBND huyện Phú Xuyên	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
6	Trường THPT Phú Xuyên B			1	2023-2026	1807/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 1566/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	42.630	31.451	34.497			1.730			-3.046	10.000		31.451	11.730		UBND huyện Phú Xuyên	Hỗ trợ theo chi phí XL+TB được duyệt
8	Nâng cấp, mở rộng trường THPT Xuân Giang		1		2023-2026	8250/QĐ-UBND 29/11/2023; 01/NQ-HĐND 09/4/2024	89.494	62.360	62.300			15.400				5.000		62.300	20.400		UBND huyện Sóc Sơn	
10	Xây dựng trường THPT Lý Tử Tấn, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1		2023-2026	3964/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	85.475	70.629	70.500	0		9.530				20.000		70.500	29.530		UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lũy kế bố trí, giải ngân NSTP hỗ trợ từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP hỗ trợ đã giao		Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Trong đó XLTB		Tổng số	Giải ngân	KHV	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26
11	Xây dựng trường THPT Nguyễn Trãi			1	2023-2025	3963/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	44.208	37.235	27.200	11.000	8.927	2.660				12.000		27.200	14.660		UBND huyện Thương Tín	
12	Xây dựng trường THPT Tô Hiệu		1		2023-2026	3986/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	119.905	102.166	59.600			9.600				30.000		59.600	39.600		UBND huyện Thương Tín	
14	Trường THPT Chúc Động		1		2023-2026	02/NQ-HĐND ngày 16/5/2023; 2676/QĐ-UBND 27/5/2024	91.829	73.651	67.500							15.000		67.500	15.000		UBND huyện Chương Mỹ	
15	THPT Chương Mỹ B			1	2023-2026	02/NQ-HĐND 16/5/2023; 14/NQ-HĐND 28/9/2023; 2677/QĐ-UBND 27/5/2024	87.297	71.655	22.270							15.000		22.270	15.000		UBND huyện Chương Mỹ	
16	Xây dựng trường THPT tại ô đất G1/TH3, phường Thanh Trì		1		2025-2028	19/NQ-HĐND ngày 22/12/2023; 1362/QĐ-UBND 30/5/2024	372.852	294.620	88.000							50.000		88.000	50.000		UBND quận Hoàng Mai	



PHỤ LỤC 1.6
ÁP DỤNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ
CHO CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC GIÁO DỤC (MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS)

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ QĐ duyệt BCNCKT			Quyết định phê duyệt TKBV, dự toán						Lấy kế bổ trí, giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP đã giao	Điều chỉnh KHV 2021- 2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV NSTP hỗ trợ 2021- 2025 sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó XL+TB	Số, ngày tháng	Tổng kinh phí	Trong đó XL+TB	Tổng số	Giải ngân	Tăng	Giảm	Tăng		Giảm									
															B	C	Tính giá thực hiện dự án						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG	25	31			3.488.470	2.608.281		1.571.390	1.280.420	2.414.089	851.600	851.600	115.073	61.915	-118.424	512.864	-17.000	2.357.580	610.937	30		
a	Dự án chuyển tiếp	2	2			194.767	132.006		154.897	130.739	103.650	88.600	88.600			-1.500	13.550		102.150	13.550	4		
1	Trường mầm non Thị trấn Tây Đằng	1		2020-2024	3066/QĐ-UBND 16/10/2019, 06/NQ-HĐND 26/4/2023; 2684/QĐ-UBND 12/6/2023	73.750	64.009	2703/QĐ-UBND ngày 24/06/2020	71.230	60.836	48.000	39.000	39.000				9.000		48.000	9.000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường mầm non Châu Sơn		1	2020-2024	6489/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 12729/QĐ-UBND 31/12/2022; 9043/QĐ-UBND 20/12/2023	19.800	14.755	2580/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	17.567	15.171	15.150	14.600	14.600				550		15.150	550	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây dựng, mở rộng trường Tiểu học An Thượng B		1	2019-2024	5451/ 31/10/2019; 6194/ 22/11/2021; 13852/ 12/12/2023	40.621	19.040	2166/ 19/12/2022	24.363	21.430	16.500	15.000	15.000				1.500		16.500	1.500	1	UBND huyện Hoài Đức	
4	Xây mới Trường tiểu học Đức Thượng, xã Đức Thượng huyện Hoài Đức (Giai đoạn 1)	1		2018-2024	6267/ 29/10/2018; 6196/ 22/11/2021; 14289/ 27/12/2023	60.596	34.202	731/ 23/4/2022	41.737	33.302	24.000	20.000	20.000			-1.500	2.500		22.500	2.500	1	UBND huyện Hoài Đức	
b	Dự án khởi công mới	23	29			3.293.703	2.476.275		1.416.493	1.149.681	2.310.439	763.000	763.000	115.073	61.915	-116.924	499.314	-17.000	2.255.430	597.387	26		
1	Trường MN Phú Cường		1	2021 - 2024	1275/QĐ-UBND 17/3/2022; 9044/QĐ-UBND 30/12/2023	28.000	22.548	1275/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	25.904	22.548	22.500	19.100	19.100				3.400		22.500	3.400	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường mầm non Thuận Mỹ		1	2022-2024	8058/QĐ-UBND ngày 13/11/2021	30.000	23.291	1908/QĐ-UBND ngày 14/4/2022; 7663/QĐ-UBND 01/12/2023	26.609	23.248	23.300	20.300	20.300				3.000		23.300	3.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường mầm non Cẩm Lĩnh A		1	2021-2024	8059/QĐ-UBND ngày 13/11/2021; 9042/QĐ-UBND 30/12/2023	30.000	25.728	8202/QĐ-UBND 15/9/2022	30.000	26.648	26.450	25.700	25.700				750		26.450	750	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Trường mầm non Thái Hòa		1	2022-2024	8074/QĐ-UBND 13/11/2021; 9115/QĐ-UBND 21/10/2022	30.000	20.942	1811/QĐ-UBND 12/4/2022; 8909/QĐ-UBND 11/11/2022	23.634	20.929	20.900	17.700	17.700				3.200		20.900	3.200	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Trường tiểu học Tây Đằng B		1	2022-2024	8075/QĐ-UBND ngày 13/11/2021; 8075/QĐ-UBND 13/11/2021	41.000	32.535	7060/QĐ-UBND 29/7/2022; 7201/QĐ-UBND 16/11/2023	37.477	32.427	32.400	23.300	23.300				9.100		32.400	9.100	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Trường Tiểu học Phú Cường		1	2023-2025	9759/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	25.000	20.078	964/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	23.353		20.000	13.000	13.000	7.000			-7.000		20.000			UBND huyện Ba Vì	Dự án vương GPMB
7	Trường THCS Thụy An (giai đoạn 2)		1	2021-2024	8078/QĐ-UBND ngày 13/11/2021; 9027/QĐ-UBND 30/12/2023	27.500	23.853	1978/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; 3477/QĐ-UBND 13/7/2023	27.500	23.647	23.600	13.000	13.000				10.600		23.600	10.600	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Trường THCS Sơn Đà		1	2021-2024	8037/QĐ-UBND ngày 13/11/2021; 9021/QĐ-UBND 30/12/2023	40.000	34.911	1983/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	40.000	35.555	35.500	33.000	33.000				2.500		35.500	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ QĐ duyệt BCNCKT			Quyết định phê duyệt TKBV, dự toán			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lấy kế bố trí, giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP đã giao	Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó XL+TB					Tổng số	Giải ngân		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
		B	C		Số, ngày tháng	Tổng kinh phí	Trong đó XL+TB	Tổng số	Giải ngân	Tăng		Giảm	Tăng		Giảm								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
9	Trường THCS Đồng Quang		1	2021-2024	8077/QĐ-UBND ngày 13/11/2021; đc thời gian 9024/QĐ-UBND 30/12/2023	32.500	26.843	6971/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	30.835	27.410	27.500	26.800	26.799			-90	610		27.410	610	1	UBND huyện Ba Vì	Giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
10	Trường THCS TTNC Bô và Đồng cơ Ba Vì		1	2022-2024	1363/QĐ-UBND 22/3/2022	41.000	30.900	3452/QĐ-UBND 11/7/2023	35.841	31.132	35.000	27.000	27.000	8.000		-3.000		-3.000	32.000	5.000	1	UBND huyện Ba Vì	Giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
11	Xây dựng trường THCS Ngọc Hồi	1		2022-2025	123/QĐ-UBND 13/01/2022	159.237	119.146	1050/QĐ-BQLDADTXD ngày 07/10/2022	137.887	123.337	110.000	70.000	70.000				40.000		110.000	40.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
12	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Duyên Thái	1		2021-2024	4357/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 8901/QĐ-UBND 22/12/2024	50.577	34.023	782/QĐ-UBND 28/10/2022	43.400	35.685	36.600	34.000	34.000			-914	1.686		35.686	1.686	1	UBND huyện Thường Tín	Giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
13	Xây dựng mới Trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái	1		2021-2024	367-11/5/2022	45.000	33.015	949-07/10/2022	38.200		33.400	24.000	24.000	9.400		-3.000		-3.000	30.400	6.400		UBND huyện Ứng Hoà	Dự án vương GPMB
14	Xây dựng Trường Tiểu học Kim Đường đạt chuẩn mức độ 2		1	2022-2024	394/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	14.500	12.247	207/QĐ-BQL ngày 11/4/2023	14.500	12.788	12.173	12.000	12.000	173	615		615		12.788	788		UBND huyện Ứng Hoà	Điều hòa KHV từ dự án trường MN thôn Thái Bình
15	Xây dựng trường Mầm non Trung Sơn Trám	1		2024-2027	09/NQ-HĐND ngày 14/6/2023; QĐ duyệt DA 794/QĐ-UBND 05/6/2024	133.131	99.457				77.200						35.000		77.200	35.000		UBND thị xã Sơn Tây	
16	Mở rộng và xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Trưng Hưng	1		2024-2027	09/NQ-HĐND ngày 14/6/2023; 877/QĐ-UBND 11/6/2024	56.966	42.936				38.700						10.000		38.700	10.000		UBND thị xã Sơn Tây	
17	Xây dựng Trường tiểu học Viên Sơn (Ngân sách huyện bố trí phần còn lại)	1		2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023	132.587	89.500				60.000					-30.000			30.000			UBND thị xã Sơn Tây	Dự án dự kiến điều chỉnh CTĐT giảm quy mô từ 1,5ha còn 9000m2; Giám danh mục và điều hòa vốn sang trường MN Trưng Hưng và THCS Cổ Đông
18	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THCS Sơn Lộc	1		2024-2027	11/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 875/QĐ-UBND 11/6/2024	111.002	85.079				75.800						25.000		75.800	25.000		UBND thị xã Sơn Tây	
19	Mở rộng và xây dựng nhà lớp học, nhà bộ môn trường THCS Trưng Hưng	1		2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 16/12/2023; 876/QĐ-UBND 11/6/2024	84.884	67.551				50.000						20.000		50.000	20.000		UBND thị xã Sơn Tây	
20	Xây dựng Trường THCS Cổ Đông	1		2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; Duyệt DA 250/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	150.285	119.934				103.000				12.000		50.000		115.000	50.000		UBND thị xã Sơn Tây	Điều hòa KHV từ dự án Tiểu học Viên Sơn
21	TH Thị trấn Quốc Oai A		1	2023-2025	1753/QĐ-UBND 05/4/2024	24.525	19.772				20.500						7.000		20.500	7.000		UBND huyện Quốc Oai	
22	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Xuân Giang		1	2022-2025	3209/QĐ-UBND 31/5/2023	34.998	26.487	816/QĐ-QLDA 22/11/2023	30.761	26.394	26.480	5.000	5.000	20.000		-86	1.394		26.394	21.394		UBND huyện Sóc Sơn	CTHT 2024: giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
23	Trường THCS Văn Hoàng	1		2021-2024	5432/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	73.986	50.256	1770/QĐ-BQLDA 15/12/2022	62.048	54.062	55.000	53.000	53.000			-938	1.062		54.062	1.062	1	UBND huyện Phú Xuyên	CTHT 2024: giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ QĐ duyệt BCNCKT			Quyết định phê duyệt TKBV, dự toán			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lấy kế bổ trí, giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP đã giao	Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó XL+TB					Tổng số	Giải ngân		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
		B	C		Số, ngày tháng	Tổng kinh phí	Trong đó XL+TB	Tổng số	Giải ngân	Tăng		Giảm	Tăng		Giảm								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
24	THCS Quang Trung	1		2021-2024	1245/QĐ-UBND 15/3/2022; 5325/QĐ-UBND 17/10/2023; 1835/QĐ-UBND 04/5/2024	46.442	41.627	526/QĐ-BQLDA 17/5/2024	46.442	41.629	40.830	39.100	39.100				1.730		40.830	1.730	1	UBND huyện Phú Xuyên	
25	Xây dựng mới trường THCS Văn Phúc (giai đoạn 2) (Ngân sách huyện bổ trí phần còn lại)	1		2024-2027	Duyệt DA2212/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	100.000	81.244				100.000					-20.000	25.000		80.000	25.000		UBND huyện Phúc Thọ	Giảm KHV trung hạn 20 tỷ điều hòa cho Dự án Mầm non Long Xuyên
26	MN Nghĩa Hương		1	2023-2025	1755/QĐ-UBND 05/4/2024	14.950	13.032	1755/QĐ-UBND 05/4/2024	14.950	13.031	19.000					-5.969	7.000		13.031	7.000		UBND huyện Quốc Oai	Giảm KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
27	Trường mầm non Đông Phương Yên	1		2023-2025	7176/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	88.579	63.001	1610/QĐ-BQL ngày 4/12/2023	76.668	66.854	66.600	8.000	8.000	25.000				-4.000	66.600	21.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Dự án vương GPMB
28	Trường mầm non Xuân Mai		1	2023-2024	10/NQ-HĐND ngày 02/7/2022; 2678/QĐ-UBND 27/5/2024	21.437	17.081				8.000						5.000		8.000	5.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
29	Trường mầm non Tốt Động, khu B		1	2023-2024	8082/QĐ-UBND 01/11/2021	5.836	4.524	1219/QĐ-BQL ngày 20/9/2023	5.836	4.994	4.800	4.500	4.500				300		4.800	300	1	UBND huyện Chương Mỹ	
30	Trường tiểu học Hồng Phong		1	2023-2025	1042/QĐ-UBND ngày 28/2/2023	46.462	37.836	1062/QĐ-BQL ngày 17/8/2023	46.462	39.788	29.400	5.000	5.000	24.000	5.600		6.000		35.000	30.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Điều hòa bổ sung vốn (tăng giá trị XL+TB) từ trường THCS Hòa Chính, CTHT 2024
31	Trường THCS Hoà Chính		1	2022 - 2025	số 39/HĐND ngày 17/12/2021	50.803					43.000					-43.000						UBND huyện Chương Mỹ	Dự án vương quy hoạch, điều hòa vốn sang trường TH Hồng Phong
32	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Hai Bối	1		2021-2025	7363/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, 15027/QĐ-UBND 30/11/2021	61.132	49.642	1040/QĐ-QLDA ngày 25/10/2022	61.129		48.000	42.000	42.000				6.000		48.000	6.000	1	UBND huyện Đông Anh	
33	Trường mầm non Kim Chung - điểm trường thôn Lai Xá	1		2022-2024	7884; 22/11/2022	49.806	44.613	682; 06/6/2023	49.806	44.862	36.400	35.000	35.000		1.700		3.100		38.100	3.100	1	UBND huyện Hoài Đức	Điều hòa nguồn vốn từ dự án trường MN Văn Canh B, CTHT 2024
34	Xây dựng trường Mầm non Văn Canh B	1		2021-2024	3358; 26/6/2021	76.773	64.103	1204; 18/8/2023	76.773	69.762	57.000	30.000	30.000			-2.000	25.000		55.000	25.000	1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện đã dôi ứng dự, điều hòa KHV sang dự án MN Kim Chung
35	Mở rộng, xây mới nhà lớp học và các HMPT trường mầm non Đặc Sơ		1	2021-2024	5788; 29/10/2021; 13782; 13/12/2023	36.643	28.448	997; 25/7/2023	33.805	28.315	28.400	26.000	26.000			-85	2.315		28.315	2.315	1	UBND huyện Hoài Đức	CTHT 2024; giảm KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
36	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Yên	1		2021-2024	5736; 26/10/2021	68.161	59.295	11429; 29/8/2022	68.160	60.004	55.800	38.800	38.800				17.000		55.800	17.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
37	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng trường Tiểu học Cát Quế A		1	2021-2024	8877; 05/12/2020; 14218/QĐ-UBND 25/12/2023	22.869	18.468	649/QĐ-BQL 12/4/2022	22.869	20.347	18.460	15.000	15.000				3.460		18.460	3.460	1	UBND huyện Hoài Đức	
38	Cải tạo, mở rộng trường THCS Cát Quế A		1	2021-2024	5054; 21/9/2021; 13951; 14/12/2023	38.804	26.872	14792/QĐ-UBND; 29/12/2023	38.804	26.871	26.800	23.000	23.000				3.800		26.800	3.800		UBND huyện Hoài Đức	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Thời gian thực hiện dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ QĐ duyệt BCNCKT			Quyết định phê duyệt TKBV, dự toán			KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 đã được duyệt	Lấy kế hỗ trí, giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2024		KHV năm 2024 NSTP đã giao	Điều chỉnh KHV 2021-2025 NSTP hỗ trợ		Điều chỉnh KHV 2024 NSTP hỗ trợ		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025 sau điều chỉnh	KHV NSTP hỗ trợ năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó XL+TB	Số, ngày tháng	Tổng kinh phí	Trong đó XL+TB		Tổng số	Giải ngân		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
39	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Minh Khai		I	2021-2025	577/ 01/02/2021; 13924; 13/12/2023	38.241	27.010	1444; 31/8/2022	31.436	26.668	27.000	25.000	25.000			-332	1.668		26.668	1.668		UBND huyện Hoài Đức	Giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
40	Xây mới trường MN Quang Minh	I		2023-2026	01/NQ-HĐND 30/3/2023; 815/QĐ-UBND 01/3/2024	132.651	98.152				98.240					(88)	25.000		98.152	25.000		UBND huyện Mê Linh	Giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
41	Trường mầm non Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức		I	2022-2024	4136/QĐ-UBND 09/11/2022	14.986	12.687	1848/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	14.986	12.900	12.687	4.500	4.500	8.000			187		12.687	8.187	1	UBND huyện Mỹ Đức	
42	Trường tiểu học Phùng Xá		I	2022-2024	4694/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 3874/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	25.000	20.867	3874/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	25.000	22.573	20.867	7.000	7.000	13.500			367		20.867	13.867	1	UBND huyện Mỹ Đức	
43	Trường THCS xã Hồng Sơn (giai đoạn 2)		I	2020-2024	3856/QĐ-UBND 30/10/2020; đc thời gian 4603/QĐ-UBND 26/12/2023	29.436	26.492	2496/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	29.436	45.700	26.492	24.200	24.200				2.292		26.492	2.292		UBND huyện Mỹ Đức	
44	Nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng bộ môn, khu hiệu bộ - chức năng, thiết bị trường THCS xã Đồng Tâm		I	2020-2024	3635/QĐ-UBND 12/10/2020; đc thời gian 4637/QĐ-UBND 27/12/2023	24.000	21.600	1502/QĐ-UBND 29/6/2021; 2822/QĐ-UBND 18/11/2021	23.379	20.178	21.600	19.000	19.000			-1.422	1.178		20.178	1.178	1	UBND huyện Mỹ Đức	Điều chỉnh giảm theo XL+TB được duyệt tại dự toán
45	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Hương Sơn.		I	2023-2025	BCNCKT số 2217/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	30.000	24.533				24.060						5.000		24.060	5.000		UBND huyện Mỹ Đức	
46	Xây dựng, mở rộng trường THCS Phùng Thương	I		2023-2025	Đuyệt DA 2254/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	70.866	55.145				59.000					-4.000	17.000		55.000	17.000		UBND huyện Phúc Thọ	Điều hòa vốn sang Dự án trường MN Long Xuyên
47	Trường mầm non Long Xuyên		I	2022-2024	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	60.000	48.000				10.400				24.000				34.400			UBND huyện Phúc Thọ	Được điều hòa bổ sung vốn từ trường THCS Phùng Thương và THCS Văn Phúc
48	Mở rộng, xây phòng học, nhà đa năng, phụ trợ Trường THCS Chàng Sơn	I		2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 2514/QĐ-UBND 17/5/2024	84.987	65.215				40.000						15.000		40.000	15.000	-	UBND huyện Thạch Thất	
49	Xây dựng mới trường mầm non Tam Hưng A (điểm trường thôn Song Khê)		I	2024-2025	NQ 04/NQ-HĐND 20/3/2023; 3218/QĐ-UBND 12/4/2024	48.500	38.084				40.000					-2.000	18.000		38.000	18.000		UBND huyện Thanh Oai	Giám KHV trung hạn theo giá trị XL+TB được duyệt
50	Xây mới trường tiểu học Hữu Hòa (cơ sở 2)	I		2022-2024	179/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; 5159/QĐ-UBND 16/10/2023	142.883	102.623	212/QĐ-BQLĐABTXD ngày 26/04/2024	122.604	109.395	102.600						33.000		102.600	33.000		UBND huyện Thanh Trì	
51	Trường mầm non Trung Hưng (Ngân sách huyện bố trí phần còn lại)	I		2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 16/12/2023	139.853	101.727				60.000				18.000				78.000			UBND thị xã Sơn Tây	Điều hòa, bổ sung nguồn từ dự án THCS Viên Sơn
52	Xây dựng Trường Tiểu học Yên Sơ tại ô C3/TH2	I		2024-2027	19/NQ-HĐND ngày 22/12/2023; 2324/QĐ-UBND 22/5/2024	326.925	223.322				219.000						50.000		219.000	50.000		UBND quận Hoàng Mai	



Phụ lục 1.7

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã duyệt	KHV năm 2024	Điều chỉnh KHV năm 2024						Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư		
				Số, ngày quyết định	TMĐT	Giá trị XL + TB			Số DA		KHV		Điều chỉnh tăng					Điều chỉnh giảm	
													Số DA	KHV Tăng				Số DA	KHV Giảm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
	TỔNG CỘNG	5			47.334	39.329	41.000	14.920	5	5.722	4	17.300	1	-11.578	20.642	2			
-	Dự án chuyển tiếp	2			22.107	18.120	17.600	3.800	2	742	1	1.200	1	-458	4.542	2			
-	Dự án mới năm 2024	3			25.227	21.209	23.400		3	16.100	3	16.100			16.100				
-	Dự nguồn Kế hoạch vốn năm 2024 chưa phân bổ							11.120		-11.120				-11.120					
I	Thị xã Sơn Tây	1			12.561	10.416	10.400	1.800	1	-458			1	-458	1.342	1			
a	Dự án chuyển tiếp	1			12.561	10.416	10.400	1.800	1	-458			1	-458	1.342	1			
1	Trạm y tế phường Thanh Mỹ	1	2022-2024	1033/QĐ-UBND 06/10/2022	12.561	10.416	10.400	1.800	1	-458			1	-458	1.342	1	UBND thị xã Sơn Tây		
b	Dự án mới năm 2024																		
II	Huyện Gia Lâm	2			16.855	14.284	16.000		2	12.600	2	12.600			12.600				
a	Dự án chuyển tiếp																		
b	Dự án mới năm 2024	2			16.855	14.284	16.000		2	12.600	2	12.600			12.600				
1	Trạm y tế xã Kiêu Kỵ	1	2023-2025	3071/QĐ-UBND 15/5/2024	8.667	7.233	8.000		1	6.300	1	6.300			6.300		UBND huyện Gia Lâm		
2	Trạm y tế xã Bát Tràng	1	2023-2025	3072/QĐ-UBND 15/5/2024	8.188	7.050	8.000		1	6.300	1	6.300			6.300		UBND huyện Gia Lâm		
III	Huyện Quốc Oai	1			8.372	6.926	7.400		1	3.500	1	3.500			3.500				
a	Dự án chuyển tiếp																		

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Thủ tục đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã duyệt	KHV năm 2024	Điều chỉnh KHV năm 2024						Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	CTHT 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày quyết định	TMĐT	Giá trị XL + TB			Số DA	KHV	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm				
											Số DA	KHV Tăng	Số DA	KHV Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
b	Dự án mới năm 2024	1			8.372	6.926	7.400		1	3.500	1	3.500			3.500		
1	Trạm y tế thị trấn Quốc Oai	1	2024-2025	921/QĐ-UBND 15/3/2024	8.372	6.926	7.400		1	3.500	1	3.500			3.500		UBND huyện Quốc Oai
IV	Huyện Sóc Sơn	1			9.546	7.704	7.200	2.000	1	1.200	1	1.200			3.200	1	
a	Dự án chuyển tiếp	1			9.546	7.704	7.200	2.000	1	1.200	1	1.200			3.200	1	
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Việt Long	1	2023-2025	5289/QĐ-UBND 23/8/2023	9.546	7.704	7.200	2.000	1	1.200	1	1.200			3.200	1	UBND huyện Sóc Sơn
b	Dự án mới năm 2024																



Phụ lục 1.8

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC DI TÍCH

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 5 năm 2021-2025 NSTP hỗ trợ	Lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 (gồm cả NS huyện)	KH 2024 đã giao	Điều chỉnh KH vốn năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	HT năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB				Số DA tăng	Tăng	Số DA giảm	Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	47			1.089.063	886.700	648.330	158.706	177.571	34	172.735	13	-28.490	321.816	18	
	- Dự án chuyển tiếp	19			418.057	342.795	320.300	155.406	114.721	7	41.755	12	-15.140	141.336	17	
	- Dự án mới	28			671.006	543.905	328.030	3.300	62.850	27	130.980	1	-13.350	180.480	1	
	+ Đã bố trí đầu năm	7			175.088	142.670	138.650	3.300	62.850	6	23.500	1	-13.350	73.000	1	
	+ Bổ sung tại kỳ họp Tháng 7/2024	21			495.918	401.235	189.380			21	107.480			107.480		
I	Dự án chuyển tiếp	19			418.057	342.795	320.300	155.406	114.721	7	41.755	12	-15.140	141.336	17	
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Sơn Trung	1	2023-2025	1194/QĐ-UBND 04/11/2022	19.339	16.402	16.100	15.300	2.000	1	1.655			3.655	1	UBND thị xã Sơn Tây
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vĩnh Xương Trung, xã Mỹ Thành	1	2022-2024	1/40/QĐ-UBND 18/3/2022; 1879/QĐ-UBND 28/3/2022	10.921	8.779	8.700	8.500		1	200			200	1	UBND huyện Mỹ Đức
3	Đình Đoài, xã Xuy Xá (đình Đông Đoài)	1	2022-2025	2423/QĐ-UBND 15/8/2023	34.995	30.062	30.000	10.000	6.000	1	14.000			20.000	1	UBND huyện Mỹ Đức
4	Quán Đoài, xã Xuy Xá (quán Đông Đoài)	1	2022-2025	2422/QĐ-UBND 15/8/2023	30.073	24.507	24.500	10.000	6.000	1	4.000			10.000	1	UBND huyện Mỹ Đức
5	Chùa Trung (Chùa Hưng Khánh), xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	2506/QĐ-UBND ngày 25/8/2023; 3809/QĐ-UBND 15/11/2023; 670/SVHTT-QLDSVH 23/02/2024	36.000	30.000	30.000	4.000	3.500	1	8.000			11.500		UBND huyện Mỹ Đức
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Đình Tiên Hoàng Đế, xã Hợp Thanh	1	2023-2026	1982/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	70.686	56.413	56.400	15.000	30.000	1	11.400			41.400	1	UBND huyện Mỹ Đức

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 5 năm 2021-2025 NSTP hỗ trợ	Lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 (gồm cả NS huyện)	KH 2024 đã giao	Điều chỉnh KH vốn năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	HT năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB				Số DA tăng	Tăng	Số DA giảm	Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đồng Táng, xã Đồng Trúc	1	2023-2024	5096/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	25.000	19.800	19.800	7.179	10.121	1	2.500			12.621	1	UBND huyện Thạch Thất
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ngọc Kiên, xã Cổ Đông	1	2023-2025	1137/QĐ-UBND 27/10/2022	15.929	13.164	13.100	7.400	7.600			1	-320	7.280	1	UBND thị xã Sơn Tây
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cam Đà	1	2022-2025	1162/QĐ-UBND 11/3/2022	45.000	38.185	28.000	22.200	5.800			1	-1.300	4.500	1	UBND huyện Ba Vì
10	Tu bổ, tôn tạo miếu Mục Thanh, xã Trung Hòa	1	2022-2024	8378/QĐ-UBND 11/11/2022	16.572	13.401	12.000	6.000	6.000			1	-800	5.200	1	UBND huyện Chương Mỹ
11	Tu bổ, tôn tạo đình Long Châu Sơn, xã Phụng Châu	1	2022-2024	7472/QĐ-UBND 11/10/2022	17.553	14.231	12.500	6.000	6.500			1	-870	5.630	1	UBND huyện Chương Mỹ
12	Tu bổ, tôn tạo đình Hạ, xã Hồng Phong	1	2022-2024	8379/QĐ-UBND 11/11/2022	12.980	10.483	9.000	6.000	3.000			1	-250	2.750	1	UBND huyện Chương Mỹ
13	Tu bổ, tôn tạo đình Hồng Thái, xã Trần Phú	1	2022-2024	8381/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	13.985	11.314	10.000	5.700	6.000			1	-1.500	4.500	1	UBND huyện Chương Mỹ
14	Tu bổ, tôn tạo đình Đồng Luân, xã Thượng Vực	1	2022-2024	8380/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	12.004	10.022	9.000	5.123	4.000			1	-200	3.800	1	UBND huyện Chương Mỹ
15	Tu bổ, tôn tạo đền Trong Phương Bán, xã Phụng Châu	1	2022-2024	8087/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	7.260	5.625	5.000	2.666	2.000			1	-1.000	1.000	1	UBND huyện Chương Mỹ
16	Tu bổ, tôn tạo Quán Miếu, xã Tiên Phương	1	2022-2024	8375/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	12.362	9.972	9.000	4.338	5.000			1	-3.600	1.400	1	UBND huyện Chương Mỹ
17	Tu bổ, tôn tạo di tích quán Phương Bảng, xã Song Phương	1	2023-2025	3151/QĐ-UBND 02/8/2022	16.536	13.224	12.800	6.000	6.800			1	-2.500	4.300	1	UBND huyện Hoài Đức
18	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Đại tôn họ Nguyễn, xã Sơn Đồng	1	2023-2025	9113/QĐ-UBND 31/12/2021	9.959	8.423	8.000	8.000	3.000			1	-1.400	1.600	1	UBND huyện Hoài Đức

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 5 năm 2021-2025 NSTP hỗ trợ	Lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 (gồm cả NS huyện)	KH 2024 đã giao	Điều chỉnh KH vốn năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	HT năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB				Số DA tăng	Tăng	Số DA giảm	Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền Thượng xã Sơn Đồng	1	2021-2024	6301/QĐ-UBND 30/11/2021	10.903	8.788	6.400	6.000	1.400			1	-1.400			UBND huyện Hoài Đức
II	Dự án mới	28			671.006	543.905	328.030	3.300	62.850	27	130.980	1	-13.350	180.480	1	
	Đã bố trí đầu năm 2024	7			175.088	142.670	138.650	3.300	62.850	6	23.500	1	-13.350	73.000	1	
1	Tu bổ, tôn tạo đình Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	1	2023-2025	7695/QĐ-UBND 10/11/2023	35.400	29.446	29.400	100	10.000	1	5.000			15.000		UBND huyện Sóc Sơn
2	Tu bổ, tôn tạo đền Hương Gia, xã Phú Cường	1	2022-2026	3181/QĐ-UBND 30/5/2023	33.206	26.941	26.900	200	10.000	1	5.000			15.000		UBND huyện Sóc Sơn
3	Tu bổ, tôn tạo đền Bà, xã Xuân Thu	1	2022-2026	9914/QĐ-UBND 12/12/2022	22.000	17.734	17.700	200	7.500	1	2.500			10.000		UBND huyện Sóc Sơn
4	Tu bổ, tôn tạo đền Cả, xã Đông Xuân	1	2022-2026	3182/QĐ-UBND 30/5/2023	28.280	22.875	22.800	200	6.500	1	5.500			12.000		UBND huyện Sóc Sơn
5	Tu bổ, tôn tạo đền Chôi, xã Đông Xuân	1	2022-2026	9913/QĐ-UBND 12/12/2022	22.000	17.729	17.500	200	8.000	1	2.000			10.000		UBND huyện Sóc Sơn
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì	1	2023-2025	630/QĐ-UBND 02/3/2023	14.988	12.456	11.000	2.400	7.500	1	3.500			11.000	1	UBND huyện Thanh Trì
7	Tu bổ, tôn tạo Đình Hồng Hậu	1	2023-2025	880/QĐ-UBND 31/8/2022	19.214	15.489	13.350		13.350			1	-13.350			UBND thị xã Sơn Tây
	Bổ sung tại kỳ họp T7/2024	21			495.918	401.235	189.380			21	107.480			107.480		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phúc Lâm, Miếu, Văn Chi thôn Đông Viên (giai đoạn 2)	1	2023-2025	1995/QĐ-UBND 08/5/2024	30.000	25.219	10.000			1	6.000			6.000		UBND huyện Ba Vì
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Vù, thôn Yên Bò	1	2023-2025	1033/QĐ-UBND 19/3/2024	35.000	28.814	10.000			1	6.000			6.000		UBND huyện Ba Vì
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phú Hữu, xã Phú Sơn	1	2024-2026	824/QĐ-UBND 07/3/2024	20.000	17.349	7.500			1	4.000			4.000		UBND huyện Ba Vì

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 5 năm 2021-2025 NSTP hỗ trợ	Lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 (gồm cả NS huyện)	KH 2024 đã giao	Điều chỉnh KH vốn năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	HT năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB				Số DA tăng	Tăng	Số DA giảm	Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Khê Thượng	1	2023-2025	850/QĐ-UBND 11/3/2024	25.000	21.342	6.000			1	4.000			4.000		UBND huyện Ba Vì
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Gia Lộc	1	2024-2026	3091/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	26.111	20.121	15.000			1	6.000			6.000		UBND huyện Đông Anh
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Canh (giai đoạn 2)	1	2024-2026	3697/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	6.669	5.374	5.000			1	1.500			1.500		UBND huyện Đông Anh
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Mạch Lũng, xã Đại Mạch	1	2024-2026	4785/QĐ-UBND 24/5/2024	23.175	19.402	9.000			1	5.000			5.000		UBND huyện Đông Anh
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thư Cưu, xã Cổ Loa	1	2023-2025	9785/QĐ-UBND 31/10/2023	28.822	24.210	10.000			1	5.000			5.000		UBND huyện Đông Anh
9	Tu bổ, tôn tạo chùa Ngải Cầu xã An Khánh giai đoạn 2	1	2023-2026	1880/QĐ-UBND 09/5/2024	31.774	25.391	14.000			1	8.000			8.000		UBND huyện Hoài Đức
10	Đền La Mai, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	2889/QĐ-UBND 06/6/2024	7.000	5.559	5.500			1	2.000			2.000		UBND huyện Mỹ Đức
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Áng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	2444/QĐ-UBND 23/5/2024	26.000	19.513	22.000			1	6.000			6.000		UBND huyện Mỹ Đức
12	Tu bổ tôn tạo di tích Miếu Đông, xã Khai Thái	1	2024-2025	2835/QĐ-UBND 19/6/2024	15.000	12.405	12.000			1	5.000			5.000		UBND huyện Phú Xuyên
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Bà Á Lanh	1	2024	2512/QĐ-UBND 05/6/2024	14.773	9.964	11.000			1	5.000			5.000		UBND huyện Phú Xuyên
14	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hạ Hòa, xã Tân Phú	1	2023-2025	3448/QĐ-UBND 11/6/2024	23.885	16.305	16.400			1	8.000			8.000		UBND huyện Quốc Oai
15	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Áng	1	2024-2025	296/QĐ-UBND 26/01/2024	14.992	12.587	5.000			1	5.000			5.000		UBND huyện Thanh Trì

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 5 năm 2021-2025 NSTP hỗ trợ	Lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 (gồm cả NS huyện)	KH 2024 đã giao	Điều chỉnh KH vốn năm 2024				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	HT năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB				Số DA tăng	Tăng	Số DA giảm	Giảm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Hoành Sơn, xã Đại Áng	1	2024-2025	8222/QĐ-UBND 29/12/2023	5.997	5.081	2.000			1	2.000			2.000		UBND huyện Thanh Trì
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nguyệt Áng, xã Đại Áng	1	2023-2025	365/QĐ-UBND 30/01/2024	17.187	13.684	2.000			1	2.000			2.000		UBND huyện Thanh Trì
18	Tu bổ, tôn tạo khu Văn Chỉ thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng	1	2023-2025	1811/QĐ-UBND 07/5/2024	14.500	11.453	5.000			1	5.000			5.000		UBND huyện Thanh Trì
19	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nhị Châu, xã Liên Ninh	1	2024-2026	2761/QĐ-UBND 30/5/2024	29.307	23.630	2.800			1	2.800			2.800		UBND huyện Thanh Trì
20	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Vạn Phúc (Chung Linh Tự), xã Vạn Phúc	1	2024-2026	2834/QĐ-UBND 04/6/2024	52.290	42.607	8.380			1	8.380			8.380		UBND huyện Thanh Trì
21	Tu bổ, tôn tạo di tích địa điểm chiến thắng Ngọc Hồi mùa xuân Kỷ Dậu (1789), xã Ngọc Hồi	1	2023-2026	278/QĐ-UBND 24/01/2024	48.436	41.225	10.800			1	10.800			10.800		UBND huyện Thanh Trì